

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THANH PHÚ
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 25/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 12 – 3 – 2025.

V/v tranh chấp “ly hôn”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH PHÚ, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Cẩm Nhung.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Bùi Thị Duyên

2. Ông Nguyễn Văn Lâm

- Thư ký phiên tòa: Ông Trương Nguyễn Nhứt – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Phú, tỉnh Bến Tre.

Ngày 12 tháng 3 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Phú xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 465/2024/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 11 năm 2024 về việc tranh chấp “ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 21/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 02 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 17/2025/QĐST-HNGĐ ngày 04 tháng 3 năm 2025 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Mai Thị Mộng H, sinh năm 1987; địa chỉ: 170/1 ấp Đ, xã Đ, huyện T, tỉnh B (có đơn xin xét xử vắng mặt).

2. *Bị đơn:* Anh Phạm Chí T, sinh năm 1993; địa chỉ: 170/1 ấp Đ, xã Đ, huyện T, tỉnh B (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện, bản khai, Đơn xin xét xử vắng mặt trong quá trình tố tụng nguyên đơn chị Mai Thị Mộng H trình bày:

Chị và anh T kết hôn trên cơ sở tự nguyện và được đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện T, tỉnh B và được cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 10/09/2020. Trong cuộc sống hôn nhân giữa chị và anh T thường xuyên cãi vã, bất hòa. Anh T hay ghen tuông vô cớ, gần đây còn chặn đường đánh chị. Chị xét thấy không còn tình cảm, không thể hàn gắn nên yêu cầu ly hôn. Mặc dù anh T có năn nỉ, xin lỗi hứa hẹn nhưng tôi thấy anh T không sửa đổi, nếu tiếp tục cũng không mang lại hạnh phúc. Chị khẳng định chị không còn tình cảm với anh T nên vẫn giữ yêu cầu ly hôn. Chị và anh T không có con chung, tài sản chung, nợ chung nên không yêu cầu giải quyết.

Theo nội dung bản khai ngày 18/12/2024 bị đơn anh Phạm Chí T trình bày:

Anh thống nhất với lời trình bày chị H về việc anh và chị H kết hôn tự nguyện, về con chung, tài sản chung, nợ chung cũng như mâu thuẫn vợ chồng trong đơn khởi kiện là đúng.

Anh và chị H có nhiều mâu thuẫn, thường xuyên cãi vã, anh và chị H đã không còn sống chung từ khoảng tháng 11/2024 đến nay. Gia đình hai bên có tổ chức hàn gắn nhưng không thành. Do anh còn tình cảm, muốn hàn gắn với chị H nên anh không đồng ý ly hôn. Anh sẽ cố gắng hàn gắn, động viên chị H để hàn gắn, xây dựng lại hạnh phúc hôn nhân. Nếu không hàn gắn được thì anh sẽ đồng ý ly hôn. Về con chung, tài sản chung, nợ chung: anh T trình bày không có, không yêu cầu giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các T liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: căn cứ vào đơn khởi kiện của nguyên đơn chị Mai Thị Mộng H, chị yêu cầu ly hôn với anh Phạm Chí T nên đây là tranh chấp “ly hôn” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Bị đơn anh Phạm Chí T cư trú tại xã Đ, huyện T, tỉnh B, do đó căn cứ theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện T.

[2] Về tố tụng: chị H có yêu cầu xét xử vắng mặt, anh T đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt. Vì vậy căn cứ Điều 228, 238 Bộ luật Tố tụng Dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng trong vụ án.

[3] Về hôn nhân: Xét về điều kiện kết hôn và đăng ký kết hôn thấy rằng chị H và anh T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện T, được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn ngày 10/09/2020. Do đó hôn nhân của anh, chị đã tuân thủ đầy đủ các quy định về điều kiện kết hôn và đăng ký kết hôn nên được pháp luật công nhận là hôn nhân hợp pháp.

Xét lời trình bày của chị H cho rằng mối quan hệ hôn nhân giữa chị và anh T đã trải qua khoảng thời gian dài mất hạnh phúc từ việc chị và anh T bất đồng quan điểm sống, bất hòa, cãi vã, chị H khẳng định chị không hàn gắn tình cảm với anh T. Còn anh T có lời trình bày vì còn tình cảm nên không đồng ý ly hôn với chị H và nếu không hàn gắn được thì anh đồng ý ly hôn. Chị H và gia đình nhiều lần

khuyến nhủ nhưng anh T không sửa đổi, chị H và anh T đã sống ly thân, hiện không có khả năng hàn gắn đoàn tụ.

Tuy nhiên, sau đó mặc dù anh T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không tham gia các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải tiếp theo và các phiên tòa xét xử nên cho thấy nội dung anh T trình bày về việc hàn gắn với chị H là không có căn cứ và nội dung mà chị H đã trình bày về tình trạng hôn nhân giữa chị và anh T là có căn cứ chấp nhận. Từ đó cho thấy mâu thuẫn của vợ chồng chị H và anh T đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần áp dụng Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị H là phù hợp.

[4] Về con chung, tài sản chung, nợ chung: chị H và anh T cùng trình bày không có, không yêu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: chị H và anh T cùng trình bày là không có do đó Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6] Về án phí: chị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch đối với yêu cầu ly hôn theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28; điểm a, khoản 1 Điều 35; các Điều 39, Điều 147, Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 56, 81, 82, 83, 84, 115 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí của Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Mai Thị Mộng H. Chị Mai Thị Mộng H được ly hôn với anh Phạm Chí T.

Chị H và anh T không yêu cầu giải quyết nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ, chồng khi ly hôn nên không xem xét giải quyết.

2. Về con chung, tài sản chung, nợ chung: chị Mai Thị Mộng H và anh Phạm Chí T cùng trình bày không có nên không xem xét giải quyết.

3. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: chị Mai Thị Mộng H phải chịu 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai số 0006047 ngày 28/11/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Phú xem như đã nộp xong.

4. Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- UBND xã Đ;
- VKSND huyện Thạnh Phú;
- Chi cục THADS huyện Thạnh Phú;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Phan Cẩm Nhung